

# PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN I

## ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA LÝ 9 NĂM HỌC 2014 – 2015

### I. PHẦN TỰ LUẬN

#### 1/ Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đông Nam Bộ.

Từ đó nêu lên thế mạnh kinh tế của vùng

	<i>Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</i>	<i>Thế mạnh kinh tế</i>
Vùng đất liền	<ul style="list-style-type: none"><li>- Địa hình thoải,</li><li>- Đất badan và đất xám.</li><li>- Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm, nguồn sinh thủy tốt.</li><li>- Khoáng sản: Bô xít, sét cao lanh, nước khoáng...</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Mặt bằng xây dựng tốt.</li><li>- Trồng cây công nghiệp và cây ăn quả: cao su, cà phê, hồ tiêu, lạc, mía, sầu riêng, chôm chôm...</li><li>- Sản xuất VLXD</li><li>- Phát triển du lịch</li></ul>
Vùng biển	<ul style="list-style-type: none"><li>- Biển ấm, ngư trường rộng, hải sản phong phú.</li><li>- Gần đường hàng hải quốc tế.</li><li>- Thềm lục địa nông, rộng.</li><li>- Giàu tiềm năng dầu khí (kể tên một số mỏ dầu &amp; khí đang khai thác).</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản.</li><li>- Phát triển GTVT biển.</li><li>- Dịch vụ:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Xuất nhập khẩu.</li><li>+ Du lịch biển, đảo.</li></ul></li><li>- Khai thác dầu mỏ, khí đốt.</li></ul>

#### 2/ Tình hình phát triển và phân bố ngành công nghiệp của Vùng Đông Nam Bộ.

- Khu vực công nghiệp- xây dựng tăng trưởng nhanh, chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP của vùng: 59,3% ( 2002).
- Cơ cấu cân đối, đa dạng.
- Một số ngành CN hiện đại đã hình thành và phát triển: Hóa dầu, điện tử, công nghệ cao.
- TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu là các TTCN lớn của vùng.
- Khó khăn: Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sx, chất lượng môi trường đang bị suy giảm.

#### 3/ Sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ.

- Dịch vụ là khu vực KT phát triển mạnh và đa dạng ở ĐNB.
- Bao gồm: Thương mại, du lịch, bưu chính viễn thông, GTVT, tài chính ngân hàng...
- Là địa bàn có sức hút mạnh nhất nguồn đầu tư nước ngoài.
- Dẫn đầu cả nước trong hoạt động xuất- nhập khẩu.
- TP Hồ Chí Minh:
  - + Là đầu mối giao thông vận tải quan trọng hàng đầu của ĐNB và cả nước.
  - + Dẫn đầu hoạt động xuất khẩu của vùng.
  - + Là trung tâm du lịch lớn nhất nước.

#### 4/ Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Vùng Đồng Bằng sông Cửu Long.

- Địa hình thấp, bằng phẳng.
- Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm quanh năm.
- Sông Mê Công đem lại nguồn lợi kinh tế lớn.
- Hệ thống kênh rạch chằng chịt.
- Đất phù sa: 4 triệu ha với 1,2 triệu ha đất phù sa ngọt.
- Rừng ngập mặn chiếm diện tích lớn.
- Biển ấm quanh năm, ngư trường rộng, nhiều đảo và quần đảo ( Phú Quốc, Nam Du...)

#### 5/ Đặc điểm ngành sx nông nghiệp của Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Là vùng trọng điểm lúa lớn nhất nước.

- Lúa trồng chủ yếu ở Kiên Giang, An Giang, Long An, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Tiền Giang.
- Là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất nước.
  - Nuôi vịt đàn và nuôi trồng thủy sản ( nuôi tôm, cá xuất khẩu ) phát triển mạnh.
  - Nghề rừng giữ vị trí quan trọng, đặc biệt là trồng rừng ngập mặn.

#### **6/ Biển và đảo Việt Nam:**

- Nước ta có bờ biển dài( 3260km) và vùng biển rộng ( khoảng 1 triệu km<sup>2</sup> )
- Vùng biển nước ta là một bộ phận của Biển Đông, bao gồm: Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
- Có hơn 4000 đảo với hơn 3000 đảo ven bờ ( Phú Quốc, Cát Bà..)
- Hai quần đảo lớn: Hoàng Sa, Trường Sa.

#### **7/ Ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản.**

- Có nhiều thuận lợi để phát triển tổng hợp cả khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản:
  - + Nguồn hải sản phong phú: 2000 loài cá, 100 loài tôm.
  - + Một số loài có giá trị xuất khẩu và nhiều loài đặc sản.
- Chủ yếu là đánh bắt gần bờ nên sản lượng chưa cao.
- Nuôi trồng hải sản được đẩy mạnh.
- CN chế biến hải sản đang phát triển.

### **II. PHẦN THỰC HÀNH**

1/ Vẽ sơ đồ các ngành kinh tế biển.

2/ Vẽ biểu đồ cột nhóm: mỗi mốc thời gian thể hiện 2 hoặc 3 yếu tố ( 2 hoặc 3 cột ).